

Bản án số: 110/2026/HSPT

Ngày: 09 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ánh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Trừu A Sám - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2026/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2026/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2025/HS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

Bị cáo: **Trần Văn B**, sinh ngày 01/5/1982 tại Bắc Ninh.

Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở hiện nay: ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nay là xã T, tỉnh Đồng Nai. CCCD: 024082007353, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Trần Văn H, sinh năm 1952 và bà Ngô Thị H1, sinh năm 1961. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị O, sinh năm 1997 và 02 con, con lớn sinh năm 2004 (con riêng), con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 60/2026/HSST ngày 20/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; Bị cáo đã đóng tiền và án phí ngày 21/9/2018.

Bản án số 194/2028/HSPT ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 16 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Bị cáo chấp hành án xong ngày 21/12/2019.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/7/2024 và tạm giữ từ ngày 21/7/2024 sau đó chuyển tạm giam đến nay. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Đ.

(Ngoài ra vụ án còn có các bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị nên không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

Vào lúc 20 giờ 40 phút ngày 20/7/2024, Công an huyện T phối hợp Công an xã S kiểm tra hành chính căn nhà số B, tổ I, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai do bà Nguyễn Thị Ngọc M làm chủ. Tại thời điểm kiểm tra trong nhà có 05 đối tượng gồm: Nguyễn Đình L, Vi Văn T, Nguyễn Văn N, Trần Văn T1 và Trần Văn B.

Kiểm tra bên dưới gầm bếp (vị trí các đối tượng đang ngồi), phát hiện 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa màu trắng có nắp nhựa màu xanh, trên nắp chai có gắn 01 ống hút màu trắng và 01 nỏ thủy tinh, bên trong phễu của nỏ thủy tinh có chứa chất tinh thể màu trắng (các đối tượng khai nhận chất tinh thể màu trắng trong nỏ thủy tinh trên là ma túy đá vừa mua về nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt giữ). Công an xã S đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang tạm giữ vật chứng và lập hồ sơ ban đầu bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Tiến hành xét nghiệm (test nhanh) đối với Nguyễn Đình L, Vi Văn T, Nguyễn Văn N, Trần Văn T1 và Trần Văn B đều cho kết quả dương tính với chất ma túy.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa màu trắng có nắp nhựa màu xanh, trên nắp chai có gắn 01 ống hút màu trắng và 01 nỏ thủy tinh, bên trong phễu của nỏ thủy tinh có chứa chất tinh thể màu trắng (nỏ thủy tinh được niêm phong vào 01 phong bì giấy, ngoài phong bì có chữ ký của Nguyễn Đình L, Vi Văn T, Trần Văn T1, Nguyễn Đình L, Trần Văn B và dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai);

- 01 cái kéo kim loại cán bọc nhựa màu đỏ;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo gắn sim số 0944.668.479; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 không gắn sim và 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, gắn biển số 86B7- 041.64 của Trần Văn B;

- 01 điện thoại di động hiệu Huawei, gắn sim số 0326.342.431 của Trần Văn T1;

- 01 điện thoại di động hiệu Realme, gắn sim số 0879.443.268 của Nguyễn Đình L;

- 01 điện thoại di động hiệu Poco, gắn sim số 0342.920.553 của Nguyễn Văn N.

Tại Kết luận giám định số 1481/KL-KTHS ngày 29/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng chứa trong 01 (một) nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,2138 gram (không phẩy hai một ba tám gam), loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định được hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Nguyễn Đình L, Vi Văn T, Nguyễn Văn N, Trần Văn T1 và Trần Văn B đều là các đối tượng sử dụng ma túy đá và cùng làm công nhân công ty T2, tại ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 20 giờ 25 phút ngày 20/7/2024, L, T, N, T1 ở căn nhà số B A thuộc tổ I, ấp D, xã S, huyện T (nhà do L, T, N, T1 cùng thuê ở với nhau), lúc này B tới để gọi mọi người đi làm thì T1 rủ cả nhóm góp tiền mua ma túy về cùng sử dụng thì L, B và N đều đồng ý (do T đang ăn cơm phía sau bếp nên không biết việc mọi người rủ nhau góp tiền để mua ma túy) và thỏa thuận L góp 40.000 đồng, T1 góp 80.000 đồng, N góp 80.000 đồng và B góp 80.000 đồng, tổng cộng được 280.000 đồng. Do trước đó T1 có thiếu nợ L 40.000 đồng, N 80.000 đồng và B 80.000 đồng nên mọi người thống nhất số tiền nêu trên. Sau khi thống nhất việc góp tiền thì L liên hệ với đối tượng bán ma túy tên X (không rõ nhân thân, lai lịch) đặt mua 300.000 đồng ma túy rồi nói X cho thiếu 20.000 đồng và gửi số tài khoản để chuyển tiền thì X đồng ý và hẹn L đến khu vực bãi đất trống thuộc ấp A, xã S, huyện T để mua bán ma túy. Sau khi X cung cấp số tài khoản để chuyển tiền thì L nói T1 chuyển tiền vào số tài khoản mà X cung cấp. T1 sử dụng điện thoại di động chuyển tiền bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 9090154568888 Ngân hàng TMCP Q (M1) – chủ tài khoản Trần Văn T1 đến số tài khoản 0326341280 Ngân hàng TNHH MTV Đ (O1) - tên chủ tài khoản Dương Văn N1. Lượng mượn xe mô tô hiệu Honda wave RSX biển số 86B7-041.64 của B điều khiển đến điểm hẹn mua ma túy. Đến nơi, L liên lạc với X qua điện thoại thì X chỉ vị trí cất giấu ma túy dưới chân cột điện, L theo chỉ dẫn thì thấy 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu bên trong chứa ma túy, L cầm tép ma túy và điều khiển xe mô tô về nhà. Khi L đem ma túy về để trên nền nhà thì T lấy ra 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, T1 cầm gói rồi dùng kéo cắt gói ma túy ra đổ hết vào nỏ thủy tinh để chuẩn bị cùng nhau sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra, T hoảng sợ cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy (bên trong nỏ thủy tinh có ma túy) cất giấu dưới gầm bếp thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

Ngoài ra, trước đó L, T1, T, N đã góp tiền để mua ma túy về sử dụng với nhau được 02 lần tại căn nhà số B, tổ I, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 14/07/2024, L, T1, T, N thỏa thuận mỗi người góp 75.000 đồng và đưa tiền cho T đi mua ma túy của đối tượng tên X về cùng nhau sử dụng.

- Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 18/7/2014, B đưa cho T1 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) là tiền ăn trong ngày của L, T1, T, N. Sau khi nhận tiền, T1 mua cơm hết 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng), còn 300.000 đồng. L, T1, T, N thống nhất để mua ma túy về sử dụng. T1 liên hệ với đối tượng bán ma túy tên X mua ma túy đem về cho cả nhóm cùng sử dụng với nhau (B là người được các đối tượng cho sử dụng ma túy nhưng không phải góp tiền).

** Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2025/HSST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai đã quyết định:*

1. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình L, Vi Văn T, Nguyễn Văn N, Trần Văn T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn B 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024.

Ngoài ra bản án còn tuyên việc xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/12/2025 bị cáo Trần Văn B có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh và hình phạt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Kiểm sát viên đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn B theo tội danh và điều luật tại bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới hay tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo B làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo đã có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 20 giờ 40 phút ngày 20/7/2024 tại căn nhà số B, tổ I, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nhà do L, T1, T, N cùng thuê ở), Nguyễn Đình L, Trần Văn T1, Vi Văn T, Nguyễn Văn N và Trần Văn B chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra phát hiện bắt giữ cùng vật chứng là 01 bộ sử dụng ma túy bên trong nỏ thủy tinh có chứa 0,2138 gam ma túy, loại: Methamphetamine (ma túy do L, B, T1, N, góp tiền mua). Việc các bị cáo chưa sử dụng được ma túy thì bị bắt là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo. Ngoài ra, trước đó L, T1, T, N đã góp tiền để mua ma túy về sử dụng với nhau được 02 lần tại căn nhà số B, tổ I, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Đình L, Trần Văn T1, Vi Văn T, Nguyễn Văn N đã phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Trần Văn B đã phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[3] Về nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Văn B:

Ngày 29/12/2025 bị cáo Trần Văn B có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh và hình phạt. Bị cáo trình bày trong quá trình điều tra bị cáo bị còng hai tay, đánh đập, không được ăn uống, bị cáo bị dùng nhục hình, ép cung. Bị cáo cho rằng bản kết luận số 45/KLĐT-CSMT ngày 14/02/2025 không đúng sự thật và bản kết luận số C195/BKL-CSMT ngày 26/9/2025 kết luận bị cáo có hành vi góp 80.000đ với bị cáo Trần Văn T1 mua ma túy là không đúng sự thật.

Xét thấy tại các bản tự khai ngày 20/7/2024 (BL 240), bản tự khai ngày 22/7/2024 (BL 241), bản tự khai ngày 05/8/2025 (BL 242) bị cáo Trần Văn B thừa nhận góp 80.000đ cùng với các bị cáo L, T để đưa cho bị cáo T1 liên hệ mua ma túy. Sau khi liên hệ được, bị cáo còn cho bị cáo L mượn xe để đi mua ma túy. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2024, ngày 20/7/2024 và các biên bản hỏi

cung bị cáo Trần Văn B đều thống nhất lời khai như trên và có chữ ký xác nhận của bị cáo B. Theo diễn biến lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cho thấy cơ bản đều thống nhất với lời khai của các bị cáo còn lại trong vụ án. Lời khai của bị cáo không thừa nhận góp tiền mua ma túy chỉ có sau khi bị cáo biết cơ quan điều tra thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với hành vi phạm tội của bị cáo từ “Tàng trữ trái phép chất ma túy” sang tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo kháng cáo cho rằng bị dùng nhục hình, ép cung nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 188/2025/HS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo Trần Văn B phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 3 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV3-Đồng Nai
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Kiều Vân

